

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1697**/QĐ-BHXH

Hà Nội, ngày **27** tháng **11** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều về việc ban hành mã số ghi trên thẻ bảo hiểm y tế tại Quyết định số 1351/QĐ-BHXH ngày 16/11/2015 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị định số 89/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính Phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Thu - Số; Thẻ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1351/QĐ-BHXH ngày 16/11/2015 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung tiết c khoản 1 Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 9 như sau:

“ - KC: Người tham gia kháng chiến và bảo vệ Tổ quốc theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (quy định tại khoản 5, Điều 3 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP), trừ các đối tượng được cấp mã CC, CK và CB;”

b) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 13 như sau:

“ - BT: Người thuộc diện hưởng trợ cấp, trợ giúp xã hội hằng tháng theo quy định của pháp luật về người cao tuổi, người khuyết tật và trợ giúp xã hội.”

c) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 14 như sau:

“- HN: Người thuộc hộ gia đình nghèo theo chuẩn hộ nghèo giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 07/2021/NĐ-CP) và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn nghèo áp dụng cho từng giai đoạn.”

d) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 17 như sau:

“- TS: Thân nhân của liệt sĩ bao gồm: cha đẻ; mẹ đẻ; vợ hoặc chồng, con của liệt sĩ; người có công nuôi liệt sĩ.”

đ) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 18 như sau:

“- TC: Thân nhân của người có công, gồm:

+ Vợ hoặc chồng, con từ đủ 6 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi hoặc con từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;

+ Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 6 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;

+ Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 06 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên;

+ Con đẻ từ đủ 6 tuổi trở lên bị dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.”

e) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 24 như sau:

“- PV: Người phục vụ người có công đang sống ở gia đình, bao gồm: người phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Người phục vụ thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên.”

f) Bổ sung gạch đầu dòng thứ 25 như sau:

“- CT: Người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng;”

g) Bổ sung gạch đầu dòng thứ 26 như sau:

“- ND: Người được phong tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú thuộc hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người hàng tháng thấp hơn mức lương cơ sở theo quy định của Chính Phủ.”

h) Bổ sung gạch đầu dòng thứ 27 như sau:

“- TG: Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại tiết a khoản 10 Điều 16 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;”

i) Bổ sung gạch đầu dòng thứ 28 như sau:

“- AK: Người dân các xã an toàn khu, vùng an toàn khu cách mạng trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ hiện đang thường trú tại các xã an toàn khu cách mạng trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã được cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú (mà không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế);”

2. Sửa đổi, bổ sung tiết d khoản 1 Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 1 như sau:

“- CN: Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn hộ cận nghèo áp dụng cho từng giai đoạn.”

b) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 4 như sau:

“- GB: Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn hộ có mức sống trung bình áp dụng cho từng giai đoạn.”

c) Bổ sung gạch đầu dòng thứ 5 như sau:

“- HK: Người thuộc hộ nghèo đa chiều không thuộc trường hợp được cấp mã đối tượng HN (người thuộc hộ nghèo không thuộc trường hợp quy định tại tiết a, khoản 9, Điều 3 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP);”

d) Bổ sung gạch đầu dòng thứ 6 như sau:

“- DS: Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.”

3. Sửa đổi, Bổ sung tiết đ khoản 1 Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 1 như sau:

“- GD: Người tham gia BHYT theo hộ gia đình gồm những người thuộc hộ gia đình, trừ đối tượng quy định tại các tiết a, b, c, d nêu trên; Người sinh sống trong cơ sở bảo trợ xã hội (trừ đối tượng tại các Điều 1, 2, 3, 4 và 6 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP mà không được Ngân sách Nhà nước hỗ trợ đóng BHYT) quy định tại tiết b, khoản 3, Điều 5 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.”

b) Bổ sung gạch đầu dòng thứ 2 như sau:

“- TH: Chức sắc, chức việc, nhà tu hành quy định tại tiết a, khoản 3, Điều 5 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.”

4. Bổ sung tiết e khoản 1 Điều 2 như sau:

“e) Nhóm do người sử dụng lao động đóng:

- TV: Thân nhân của công nhân, viên chức quốc phòng đang phục vụ trong Quân đội (trừ đối tượng tại các Điều 1, 2, 3 và 4 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP) quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.

- TD: Thân nhân của công nhân công an đang phục vụ trong Công an nhân dân (trừ đối tượng tại các Điều 1, 2, 3 và 4 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP) quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.”

- TU: Thân nhân của người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu (trừ đối tượng tại các Điều 1, 2, 3 và 4 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP) quy định tại khoản 3, Điều 6 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.”

5. Sửa đổi, bổ sung các tiết a, b, c và d khoản 2 Điều 2 như sau:

“a) Ký hiệu bằng số 1: Được quỹ BHYT thanh toán 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh (KCB) thuộc phạm vi chi trả BHYT và không áp dụng giới hạn tỷ lệ thanh toán thuốc, hóa chất, vật tư y tế và dịch vụ kỹ thuật theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế, bao gồm các đối tượng hưởng có ký hiệu là: CC, TE.”

b) Ký hiệu bằng số 2: Được quỹ BHYT thanh toán 100% chi phí KCB thuộc phạm vi chi trả BHYT (có giới hạn tỷ lệ thanh toán một số thuốc, hóa chất, vật tư y tế và dịch vụ kỹ thuật theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế); chi phí vận chuyển người bệnh từ tuyến huyện lên tuyến trên trong trường hợp cấp cứu hoặc khi đang điều trị nội trú phải chuyển tuyến chuyên môn kỹ thuật, bao gồm các đối tượng hưởng có ký hiệu là: CK, CB, KC, HN, DT, DK, XD, BT, TS, AK, CT.

c) Ký hiệu bằng số 3: Được quỹ BHYT thanh toán 95% chi phí KCB thuộc phạm vi chi trả BHYT (có giới hạn tỷ lệ thanh toán một số thuốc, hóa chất, vật tư y tế và dịch vụ kỹ thuật theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế); 100% chi phí KCB tại tuyến xã và chi phí cho một lần KCB thấp hơn 15% tháng lương cơ sở, bao gồm các đối tượng hưởng có ký hiệu là: HT, TC, CN, PV, TG, DS, HK.

d) Ký hiệu bằng số 4: Được quỹ BHYT thanh toán 80% chi phí KCB thuộc phạm vi chi trả BHYT (có giới hạn tỷ lệ thanh toán một số thuốc, hóa chất, vật tư y tế và dịch vụ kỹ thuật theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế); 100% chi phí KCB tại tuyến xã và chi phí cho một lần KCB thấp hơn 15% tháng lương cơ sở, bao gồm các đối tượng hưởng có ký hiệu là: DN, HX, CH, NN, TK, HC, XK, TB, NO, XB, TN, CS, XN, MS, HD, TQ, TA, TY, HG, LS, HS, SV, GB, GD, ND, TH, TV, TD, TU.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 03/12/2023.
2. Quy định tại: tiết a và g khoản 1; tiết a và b khoản 2 Điều 1 Quyết định này được áp dụng từ ngày 19/10/2023.
3. Quy định tại tiết c và e khoản 1 và tiết c khoản 4 Điều 1 Quyết định này được áp dụng từ ngày 15/02/2022.
4. Quy định tại cá khoản: 1, 2, 3 và 4 Điều 1 Quyết định này (trừ các quy

định áp dụng tại khoản 2 và 3 Điều này) được áp dụng từ ngày 01/12/2018.

5. Bãi bỏ quy định tại gạch đầu dòng thứ 4 tiết b khoản 1 Điều 2 Quyết định số 1351/QĐ-BHXH. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng Ban Quản lý Thu - Sở, Thẻ, Chánh Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Giám đốc bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (đề b/c TTg CP, các Phó TTg);
- Các Bộ: LĐTĐ&XH, TC, YT, NV, TP, QP, CA;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- HQQL - BHXHVN;
- TGD, các phó TGD;
- BHXH Bộ QP, CAND;
- Lưu: VT, TST.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Đình Liệu